

Số: /BC-UBND

Quảng Lưu, ngày tháng năm 2024

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ XÃ QUẢNG LƯU
(Năm 2024)**

Kính gửi: Phòng Tài chính – kế hoạch huyện Quảng Xương.

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước;

Ủy ban nhân dân xã Quảng Lưu báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư các dự án cụ thể như sau:

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý: Cơ bản đúng theo yêu cầu.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định: Theo đúng các quy định hiện hành.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư trong năm được HĐND xã Nghị quyết thông qua: 12.600 tỷ đồng;
 - Số vốn đầu tư thực hiện trong kỳ là: 12.600 tỷ đồng.
 - Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ: 5.772 tỷ đồng.
 - Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản: Hiện nay trên địa bàn xã không có nợ đọng..
 - Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có): Không
- (Kèm theo Phụ biểu 01)*

IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG: KHÔNG

(Kèm theo Phụ biểu 02)

V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Tình hình lập, thẩm định, quyết định/điều chỉnh chủ trương đầu tư: 01 dự án
 2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án.
 - Số dự án chậm tiến độ: Không.
 - Số dự án điều chỉnh trong năm 2024: Không
 - Số dự án vi phạm quy định về quản lý chất lượng: Không
 - Số dự án thất thoát, lãng phí, vi phạm về thủ tục đầu tư: Không.
 - Tổng số dự án thực hiện đầu tư trong năm 2024 là 1 dự án nhóm C.
 - Số dự án công trình chuyển tiếp là 01 dự án.
 - Số dự án công trình có kế hoạch chuẩn bị đầu tư là 0 dự án.
 - Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ là 1 dự án với tổng số lượng là 4 gói thầu.
- Trong đó:
- + Gói thầu thi công theo hình thức lựa chọn nhà thầu: 01 gói thầu.
 - + Gói thầu thi công theo hình thức đấu thầu rộng rãi: 0 gói thầu.
 - Số dự án công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm là 02 dự án.
3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.
 - Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ: 0 dự án.
 - Số dự án được thẩm định chủ trương trong kỳ: 1 dự án.
 4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*

- Việc quản lý các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong năm 2024 đều thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;

Trong năm 2024 đã tổ chức lựa chọn nhà thầu với tổng số lượng là 1 gói thầu. Trong đó: Đấu thầu rộng rãi: 0, chào hàng cạnh tranh qua mạng 0 gói thầu, chỉ định thầu 1 gói thầu,

- Các dự án được triển khai thực hiện đúng tiến độ được phê duyệt, khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện đúng hợp đồng.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: *việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;*

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm: 12.600 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (giá trị khối lượng thực hiện): 5.772 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân 42%.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, triển khai thực hiện dự án và thanh quyết toán hoàn thành đúng theo các quy định hiện hành.

đ) Khó khăn, vướng mắc: Do tình hình thị trường bất động sản trầm lắng nên việc đấu giá mặt bằng quy hoạch khu dân cư thôn 14, thôn 15, (tại QĐ 5420, QĐ 2685, QĐ 5643 gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc chậm giải ngân vốn và nguồn vốn để giải ngân thanh toán khối lượng công việc hoàn thành không thực hiện được theo kế hoạch đề ra.

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền: Không

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

- Nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm: 02 dự án.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không

(Kèm theo các Phụ biểu: 03.1, 03.2, 07 và 08)

VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG: KHÔNG

(Kèm theo Phụ biểu 03.1 và Phụ biểu 08)

VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ: KHÔNG

(Kèm theo Phụ biểu 04 và Phụ biểu 08)

VIII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC: KHÔNG

(Kèm theo Phụ biểu số 05 và Phụ biểu 08)

IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo.

- Hầu hết các dự án đều được thực hiện đảm bảo trình tự thủ tục đầu tư theo đúng quy định

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo.

- Việc thực hiện công tác báo cáo giám sát đều được thực hiện đảm bảo trình tự thủ tục đầu tư theo đúng quy định. Về nội dung Báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư đã nêu chi tiết hơn so với các kỳ báo cáo trước.

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ: Không

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư trong kỳ tiếp: Không

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ.

Công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo kế hoạch được thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục đối với các dự án được thống nhất trong quá trình lấy ý kiến góp ý phương án thiết kế; khi thi công lại điều chỉnh làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công cũng như hiệu quả đầu tư; nhiều dự án khi đưa vào khai thác sử dụng công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng chưa được quan tâm dẫn đến bị xuống cấp nhanh.

6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư: Không

7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không

X. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: Công tác giám sát của Ban giám sát đầu tư cộng đồng được thực hiện thường xuyên đối với các công trình trên địa bàn xã Quảng Phúc.

2. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp: Hàng năm MTTQ xã đều có báo cáo đánh giá công tác giám sát đầu tư các công trình trên địa bàn xã.

3. Đánh giá chất lượng của các báo cáo: Nội dung chi tiết của báo cáo giám sát công tác đầu tư chưa đánh giá được chi tiết từng hạng mục công trình mà mới chỉ nêu tổng thể.

4. Các phát hiện chính của công tác giám sát đầu tư của cộng đồng: Không

5. Kết quả xử lý sau giám sát đầu tư của cộng đồng: Không

6. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị giải pháp xử lý: Không

(Kèm theo Phụ biểu 06)

(Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện, định kỳ hằng năm)

XI. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành: Không

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện: Không.

Trên đây là báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2024 trên địa bàn xã Quảng Lưu

Nơi nhận:

- Phòng tài chính – KH huyện QX;
- Các PCT. UBND xã;
- Lưu: VT, kế toán.

CHỦ TỊCH

Lê Thành Tâm

3	Vốn khác									
3.1	Trong nước (I.3.1+II.2.1+III.3.1+IV.1)									
3.2	Nước ngoài (I.3.2+II.2.2+III.3.2+IV.2)									

¹ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

² Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

³ Là vốn không phải vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công được sử dụng trong dự án đầu tư công

⁴ Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác: Chỉ cần điền thông tin vào các cột sau: cột số (1): ghi tổng vốn của các dự án đăng ký mới hoặc giá trị tăng thêm của các dự án điều chỉnh vốn đầu tư trong năm; cột số (4): giá trị thực hiện; cột số (6): giá trị giải ngân; cột (8) và (9) (nếu có).

Phụ biểu 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (của cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng CP quyết định CTĐT	Chương trình ĐTC do địa phương quyết định CTĐT
I	Chủ chương trình¹			
1	Số lượng chương trình			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
II	Chủ dự án thành phần²			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc chương trình³			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			

¹ Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình ĐTC (đối với chương trình MTQG, chủ chương trình là cơ quan chủ trì quản lý tổng thể toàn bộ chương trình); báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các chương trình ĐTC do mình quản lý.

² Là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án thành phần thuộc chương trình ĐTC do mình chủ trì quản lý.

³ Là chủ đầu tư thực hiện dự án thuộc chương trình ĐTC; báo cáo tổng hợp số liệu của toàn bộ các dự án do mình làm chủ đầu tư trong các chương trình.

Các cơ quan báo cáo số liệu tại mục I, II, III tương ứng với vai trò của mình trong chương trình ĐTC. Trường hợp một cơ quan đồng thời thực hiện nhiều vai trò (chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư dự án thuộc chương trình) thì báo cáo số liệu tại tất cả các mục tương ứng với vai trò của mình.

Phụ biểu 03.1

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

[illegible]

4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện)											
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ											
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)	0	0			0						
a	Không phù hợp với quy hoạch											
	Phê duyệt không đúng thẩm quyền											
b	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án											
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)	0	0			0						
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)	0	0			0						
a	Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện											
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định											
9	Số dự án chậm tiến độ trong	0	0			0						

	kỳ											
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư											
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng											
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu											
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời											
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác											
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ	0	0			0						
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ	0	0			0						
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư											
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư											
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư											
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác											
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau	0	0			0						
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	01	01			01						
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	01	01			01						

-	Chi định thầu	1	1			1						
-	Đấu thầu hạn chế											
-	Đấu thầu rộng rãi											
-	Hình thức khác(chào hàng cạnh tranh)	0	0			0						
b	<i>Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ</i>	0	0			0						
-	Đấu thầu không đúng quy định	0	0			0						
-	Ký hợp đồng không đúng quy định	0	0			0						
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng											
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	02	02			02						
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	02	02			02						
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	07	07			07						
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ											
a	<i>Số dự án đã đưa vào vận hành</i>	07	07			07						
b	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)</i>	0	0			0						
c	<i>Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ</i>	0	0			0						

Ghi chú:

- QTQG: Dự án quan trọng quốc gia
- Phân loại dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư công.

Phụ biểu 03.2

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư công phân theo nguồn vốn

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSDP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Chuẩn bị đầu tư																
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ																
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ																
II	Thực hiện đầu tư																
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ											1				1	

a	Số dự án chuyển tiếp										01				01	
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ										1				1	
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ															
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ										0				0	
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)										0				0	
5	Số dự án đã										0				0	

	thực hiện đánh giá trong kỳ															
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (<i>theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán</i>)										0				0	
a	<i>Không phù hợp với quy hoạch</i>															
b	<i>Phê duyệt không đúng thẩm quyền</i>															
c	<i>Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án</i>															
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (<i>theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành</i>)										0				0	
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong										0				0	

[illegible]

<i>đ</i>	<i>Số dự án chậm do các nguyên nhân khác</i>															
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ										0				0	
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ										0				0	
<i>a</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>															
<i>b</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>															
<i>c</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>															
<i>d</i>	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>															
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau										0				0	
13	Số dự án thực hiện lựa chọn										1				1	

	nhà thầu trong kỳ															
a	<i>Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ</i>									1					1	
-	Chỉ định thầu									1					1	
-	Đấu thầu hạn chế															
-	Đấu thầu rộng rãi									0					0	
-	Hình thức khác									0					0	
b	<i>Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ</i>															
-	Đấu thầu không đúng quy định									0					0	
-	Ký hợp đồng không đúng quy định									0					0	
III	Kết thúc đấu tư, bàn giao đưa vào sử dụng															
1	Số dự án kết thúc đấu tư trong kỳ									0 2	02					02
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc									02	02					02

	nhưng chưa được quyết toán															
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ										07	07				07
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ															
a	Số dự án đã đưa vào vận hành										07				07	
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)															
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ															

Ghi chú: Trường hợp dự án sử dụng đồng thời nhiều nguồn vốn (ODA, NSTW, NSDP, vốn ĐTC khác) thì được tính trong tất cả các cột tương ứng với nguồn vốn sử dụng. Ví dụ: dự án sử dụng cả vốn ODA và vốn NSTW (trong nước) thì dự án đó được tổng hợp ở cả cột (1) và cột (6).

Phụ biểu 04

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo phương thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm dự án			
			(1)	(2)	(3)	(4)
I	Tình hình thực hiện thủ tục đầu tư					
1	Số dự án được quyết định chủ trương đầu tư					
2	Số dự án có quyết định đầu tư					
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư					
<i>a</i>	<i>Chỉ định nhà đầu tư</i>					
<i>b</i>	<i>Đấu thầu rộng rãi</i>					
4	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư					
5	Số dự án được điều chỉnh quyết định đầu tư					
6	Số dự án được ký kết hợp đồng					
II	Tình hình thực hiện đầu tư					
1	Số dự án thực hiện đầu tư					
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>					
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới</i>					
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định					

3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra <i>(do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)</i>					
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá					
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện					
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện <i>(theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)</i>					
a	<i>Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>					
b	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>					
7	Số dự án chậm tiến độ					
a	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>					
b	<i>Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng</i>					
c	<i>Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu</i>					
d	<i>Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác</i>					
8	Số dự án phải điều chỉnh					
a	<i>Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư</i>					
b	<i>Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư</i>					
c	<i>Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư</i>					
d	<i>Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác</i>					
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau					
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử					

	dụng					
1	Số dự án kết thúc đầu tư					
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán					
3	Số dự án được quyết toán					
4	Tình hình khai thác vận hành					
a	<i>Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành</i>					
b	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.</i>					
c	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)</i>					

Ghi chú:

- (1) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
- (2) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
- (3) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật PPP.
- (4) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Phụ biểu 05

Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Nội dung	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư trong kỳ							
2	Số dự án được điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
a	<i>Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>							
b	<i>Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>							
6	Tổng vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)							
a	<i>Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư</i>							
b	<i>Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ</i>							
-	Dự án đăng ký mới							

-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư							
7	Tổng vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng)							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
a	Số dự án có lợi nhuận							
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)							

Ghi chú:

- (1) : Dự án thuộc diện Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.
(2) : Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
(3) : Dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư.

Phụ biểu 06
Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng
Tên địa phương: UBND xã Quảng Lưu
Năm: 2024

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong đó:			Ghi chú
			Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho cấp xã	Dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo phương thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1	Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	1	1			
2	Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:	1	1			
a	<i>Đúng quy định</i>	1	1			
b	<i>Có vi phạm</i>					

c	Chưa xác định được					
3	Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:					
a	Do các cơ quan chưa công khai thông tin					
b	Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
c	Lý do khác					
4	Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
a	Đã có thông báo kết quả xử lý					
b	Chưa có thông báo kết quả xử lý					
c	Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					

III Dự án nhóm C													
	Sửa chữa nâng cấp khuôn viên công sở	UBND xã Quảng Lưu	789	Ngân sách xã và nguồn huy động hợp pháp khác	744		241						
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
2													
(...)													
C	DỰ ÁN KẾT THÚC ĐẦU TƯ TRONG KỲ												
I	Dự án nhóm A												
1													
2													
(...)													
II	Dự án nhóm B												
1													
2													
(...)													
III	Dự án nhóm C												
(...)													

Ghi chú:

⁹ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền

[illegible]

2													
(...)													
II	Dự án chuyển tiếp												
1													
2													
(...)													
III	Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ												
1													
2													
(...)													
B	DỰ ÁN PHÁT SINH TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG QUỐC GIA												
I	Dự án chuyển tiếp												
1													
2													
(...)													
II	Dự án kết thúc đầu tư trong kỳ												
1													
2													
(...)													

Ghi chú:

Các cột số: (9), (10), (11), (13), (14): đánh dấu x vào ô tương ứng nếu có.

¹⁰ Sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

¹¹ Theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền